**Tiết: 62**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (T6)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

1. Ôn luyện nhận diện và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh.

2. Ôn luyện đặt và mở rộng câu về đồ chơi hoặc trò chơi.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Một vài hình ảnh cánh diều.

- HS: Sách học sinh, vở bài tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 2’  30’ | **1. Hoạt động mở đầu: Khởi động**  - HS hát  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1: Ôn luyện biện pháp tu từ so sánh**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT1.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi đọc và tìm hình ảnh so sánh có trong các đoạn thơ, đoạn văn.  - Yêu cầu HS chia sẻ kết quả trước lớp.  - Mời HS nhận xét kết quả của bạn.  - GV nhận xét và giải thích thêm về các hình ảnh so sánh bằng vật thật, hình ảnh, video; giải thích thêm về tác dụng cảu biện pháp tu từ so sánh ở các đoạn văn, đoạn thơ trên: miêu tả hình dạng của cánh diều, làm cho cánh diều thêm sinh động và cụ thể hơn, giống như một dấu á, như một hạt cau, như cánh bướm đang bay lượn trên bầu trời.  - HS thảo luận trong nhóm nhỏ và nêu tác dụng của hình ảnh so sánh. | - HS đọc yêu cầu BT: Tìm và nêu tác dụng của các hình ảnh so sánh có trong mỗi đoạn thơ, đoạn văn sau. **-** Thảo luận nhóm đôi.  - HS trình bày kết quả thảo luận.  a. Hình ảnh so sánh: Cánh diều như dấu á  b. Hình ảnh so sánh: Diều là hạt cau.  c. Hình ảnh so sánh: Cánh diều mềm mại như cánh bướm.  - HS nhận xét.  - HS quan sát, lắng nghe. |
|  | **Hoạt động 2: Đặt câu về đồ chơi hoặc trò chơi**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT2 và quan sát các gợi ý.  + Tên trò chơi đó là gì?  + Cách chơi trò chơi đó như thế nào?  + Emc ảm thấy như thế nào khi chơi trò chơi ấy?  - Yêu cầu HS nói miệng trong nhóm nhỏ. Khuyến khích HS nói nối tiếp các câu thành đoạn ngắn.  - 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.  - HS thực hiện BT vào VBT.  - Yêu cầu HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS xác định yêu cầu BT2: Đặt 2 – 3 câu về một trò chơi em thích theo gợi ý.  - HS thực hiện theo yêu cầu dựa vào gợi ý của GV.  - HS trình bày.  - HS làm bài vào vở.  - HS nhận xét. |
|  | **Hoạt động 3: Mở rộng câu bằng từ ngữ trả lời câu hỏi Khi nào? hoặc Ở đâu?**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của BT3, đọc các câu cho trước.  - Yêu cầu HS trao đổi trong nhóm, viết các câu được mở rộng bằng từ ngữ trả lời câu hỏi Khi nào? hoặc Ở đâu? vào VBT.  - 2 – 3 HS chữa bài trước lớp.  - Yêu cầu HS nhận xét.  - GV nhận xét. | - HS xác định yêu cầu BT3: Thay từ ngữ trả lời câu hỏi Khi nào? hoặc Ở đâu?  - HS thực hiện yêu cầu.  - HS trình bày kết quả.  a. Giờ ra chơi học sinh ùa ra sân như đàn ong vỡ tổ. (Khi nào?)  b. Các bạn hào hứng chơi nhảy dây ở sân trường. (Ở đâu)  c. Những chú chim ríu rít trên cành cây như muốn trò chuyện cùng chúng em. (Ở đâu)  - HS nhận xét. |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Nêu lại nội dung bài.  - Nhận xét, đánh giá.  - Học bài, chuẩn bị bài mới. | - Nêu lại nội dung bài học.  - Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................